TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Số: 424/2023/QĐST–HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Đà Lạt, ngày 10 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 682/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc *"Ly hôn*, giữa: Bà Nguyễn Thục Huyền T, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ 19 T, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và ông Lê Quang Minh S, sinh năm 1987; cư trú tại: 222/8/2 đường H, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/11/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thục Huyền T và ông Lê Quang Minh S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thục Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tên Lê Minh H, sinh ngày 24/10/2015, ông Lê Quang Minh S cấp dưỡng nuôi con

5.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết: Vợ chồng không nợ ai.

- *Về án phí*: Bà Nguyễn Thục Huyền T thỏa thuận chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0012205 ngày 09/10/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND tp. Đà Lạt;
-UBND Phường 10, Đ, Lâm Đồng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Ngọc Lâm